

Số: **5501**/TTr-UBND

Quảng Trị, ngày **01** tháng **12** năm 2020

TỜ TRÌNH
Về Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VII, kỳ họp thứ 19

Thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019, Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008, Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019, Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức, Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, sau khi có ý kiến kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Kế hoạch biên hành chính, sự nghiệp năm 2021 (Thông báo số 02-TB/TU ngày 23/11/2020), UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh Kế hoạch biên hành chính, sự nghiệp năm 2021.

(Kèm theo Kế hoạch và dự thảo Nghị quyết biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2021).

Kính trình HĐND tỉnh khoá VII, kỳ họp thứ 19 xem xét, thông qua./ *oau*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ 2b,
- Lưu: VT, NC. *ng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng

Số: **5500**/KH-UBND

Quảng Trị, ngày **01** tháng **12** năm 2020

KẾ HOẠCH
Biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2021

Thực hiện các quy định của Chính phủ và Bộ Nội vụ liên quan đến quản lý biên chế, số người làm việc và hợp đồng lao động tại:

Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL);

Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

UBND tỉnh xây dựng kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2021 như sau:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN BIÊN CHẾ NĂM 2020

Năm 2020, HĐND tỉnh phê duyệt chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 như sau:

- | | |
|--|-------------------------|
| 1. Biên chế hành chính: | 1.783 chỉ tiêu. |
| 2. Số người làm việc (SNLV) hưởng lương từ ngân sách nhà nước, gồm: | 16.473 chỉ tiêu; |
| - Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: | 13.389 chỉ tiêu; |
| - Sự nghiệp y tế: | 2.202 chỉ tiêu; |
| - Sự nghiệp văn hóa - thể thao: | 345 chỉ tiêu; |
| - Sự nghiệp khác: | 537 chỉ tiêu. |
| 3. Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: | 242 chỉ tiêu, |
| gồm: | |
| - Cơ quan hành chính: | 144 chỉ tiêu; |
| - Đơn vị sự nghiệp công lập: | 98 chỉ tiêu. |
| 4. Biên chế trong các tổ chức hội: | 71 chỉ tiêu. |
| 5. Hợp đồng lao động (Bảo vệ rừng chuyên trách, nấu ăn...) | 56 chỉ tiêu. |
| 6. SNLV hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: | 2.753 chỉ tiêu. |

I. VỀ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH

- Bộ Nội vụ giao: **1.783** chỉ tiêu tại Quyết định số 727/QĐ-BNV ngày 05/9/2019 của Bộ Nội vụ.

- HĐND tỉnh phê duyệt: **1.783** chỉ tiêu tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND



ngày 06/12/2019.

Năm 2020, số chỉ tiêu biên chế hành chính HĐND tỉnh phê duyệt bằng số Bộ Nội vụ giao.

- Biên chế hành chính hiện có (*thời điểm 15/11/2020*) là: 1.689 người.

- Biên chế hành chính chưa thực hiện: 94 chỉ tiêu, trong đó:

+ Bộ Nội vụ cắt giảm do thực hiện tinh giản biên chế năm 2021: 27 chỉ tiêu.

+ Biên chế của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh thuộc Văn phòng Quốc hội chuyển về tình quản lý và sáp nhập với Văn phòng HĐND tỉnh thành Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh: 05 chỉ tiêu

+ Chưa thực hiện tuyển dụng: 62 chỉ tiêu. Hiện các cơ quan, đơn vị đang rà soát đề xuất tuyển dụng theo Kế hoạch tuyển dụng năm 2020 của tỉnh, gắn với vị trí việc làm và giải quyết dôi dư ở cấp xã sau khi sáp nhập xã.

II. VỀ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC HUỐNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

- Bộ Nội vụ giao: **16.473** chỉ tiêu tại Công văn số 5519/BNV-TCBC ngày 12/11/2019.

- HĐND tỉnh phê duyệt: **16.473** chỉ tiêu tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/12/2019, trong đó:

+ Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 13.389 chỉ tiêu, trong đó có 30 chỉ tiêu dự phòng;

+ Sự nghiệp y tế: 2.202 chỉ tiêu, trong đó có 32 chỉ tiêu dự phòng;

+ Sự nghiệp văn hóa - thể thao: 345 chỉ tiêu,;

+ Sự nghiệp khác: 537 chỉ tiêu, trong đó có 46 chỉ tiêu dự phòng.

Năm 2020, chỉ tiêu số người làm việc của HĐND tỉnh phê duyệt bằng số Bộ Nội vụ giao.

- Số người làm việc hiện có (*thời điểm 15/11/2020*): 15.915 người, trong đó:

+ Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 13.002 người;

+ Sự nghiệp y tế: 2.147 người;

+ Sự nghiệp văn hóa - thể thao: 321 người;

+ Sự nghiệp khác: 445 người.

- SNLV chưa thực hiện là: 558 chỉ tiêu, trong đó: Sự nghiệp giáo dục - đào tạo: 387, sự nghiệp y tế: 55, sự nghiệp văn hóa - thể thao: 24, sự nghiệp khác: 92.

Trong 558 chỉ tiêu chưa sử dụng có: 399 chỉ tiêu Bộ Nội vụ cắt giảm do tinh giản biên chế năm 2021, còn 159 chỉ tiêu các cơ quan, đơn vị đang rà soát thực hiện tuyển dụng gắn với giảm trừ do tinh giản biên chế của năm 2022 (dự kiến 401 chỉ tiêu).

III. HỢP ĐỒNG 68

1. Hợp đồng 68 trong các cơ quan hành chính:

- Bộ Nội vụ giao: 123 chỉ tiêu tại Công văn số 386/BNV-TCBC ngày 21/01/2020.

- HĐND tỉnh phê duyệt: **144** chỉ tiêu tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 06/12/2019.

Năm 2020, số chỉ tiêu hợp đồng 68 của HĐND tỉnh phê duyệt nhiều hơn 21 chỉ tiêu so với số giao của Bộ Nội vụ.

Lý do: Sau khi HĐND tỉnh phê duyệt thông qua Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thì Bộ Nội vụ mới có văn bản giao hợp đồng 68 đối với tỉnh Quảng Trị

(Công văn số 386/BNV-TCBC). Số chỉ tiêu giao nhiều hơn này dự kiến sẽ cắt giảm năm 2021 để đảm bảo bằng với số giao của Bộ Nội vụ.

- Số hiện có (*thời điểm 15/11/2020*): 141 người.
- Số chưa thực hiện: 03 chỉ tiêu dành để cắt giảm do thực hiện tinh giản biên chế.

2. Hợp đồng 68 trong các đơn vị sự nghiệp công lập:

- Bộ Nội vụ giao: **98** chỉ tiêu tại Công văn số 5519/BNV-TCBC.
- HĐND tỉnh phê duyệt: **98** chỉ tiêu tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND.

Năm 2020, số chỉ tiêu hợp đồng 68 HĐND tỉnh phê duyệt bằng với số giao của Bộ Nội vụ.

- Số hiện có (*thời điểm 15/11/2020*) là: 95 người.

- Số chưa thực hiện: 03 chỉ tiêu, trong đó có 02 chỉ tiêu dự phòng dành để cắt giảm do thực hiện tinh giản biên chế.

IV. HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

- HĐND tỉnh phê duyệt: **56** chỉ tiêu tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND, gồm:
+ Hợp đồng chuyên trách bảo vệ rừng: 18 chỉ tiêu ;
+ Hợp đồng nấu ăn và bảo vệ trong trường chuyên biệt (Trường Dân tộc nội trú, Trường Trẻ em khuyết tật): 38 chỉ tiêu.

- Số hiện có (*thời điểm 15/11/2020*) là: 56 người.

V. SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGUỒN THU SỰ NGHIỆP

- HĐND tỉnh phê duyệt: **2.753** chỉ tiêu tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND.

- Số hiện có (*thời điểm 15/11/2020*) là: 2.321 người;

Hiện còn 432 chỉ tiêu chưa thực hiện, chủ yếu là sự nghiệp y tế: 245 chỉ tiêu. Do dịch bệnh Covid-19 nguồn thu giảm nên các đơn vị chưa tuyển dụng, hiện các đơn vị đang rà soát theo vị trí việc làm để tuyển dụng và ký hợp đồng lao động theo quy định.

VI. BIÊN CHẾ TRONG CÁC TỔ CHỨC HỘI

- Bộ Nội vụ giao: **71** chỉ tiêu tại Công văn số 186/BNV-TCBC ngày 15/01/2018 và Công văn số 5519/BNV-TCBC.

- HĐND tỉnh phê duyệt: **71** chỉ tiêu tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND.

Biên chế trong các tổ chức hội được HĐND tỉnh phê duyệt năm 2020 bằng với số giao của Bộ Nội vụ.

- Số biên chế hội hiện có (*thời điểm 15/11/2020*): 68 người.

- Số chưa thực hiện: 03 chỉ tiêu hiện các hội đang đại hội kiện toàn nhân sự.

VII. VỀ TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ GIAI ĐOẠN 2015-2021

Theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, yêu cầu trong 7 năm từ năm 2015 đến năm 2021 tỉnh Quảng Trị phải giảm tối thiểu 10% biên chế hành chính, sự nghiệp hưởng lương ngân sách và hợp đồng 68 trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập so với số giao năm 2015.

1. Số giao năm 2015: 20.077 chỉ tiêu (đã bao gồm số Bộ Nội vụ bổ sung, điều chỉnh năm 2016, năm 2017), trong đó:

- Biên chế hành chính: 1.956 chỉ tiêu tại Quyết định số 612/QĐ-BNV ngày 22/7/2015 của Bộ Nội vụ (đã trừ 54 chỉ tiêu cho Tổng Cục Quản lý thị trường, thuộc Bộ Công Thương do chuyển Chi cục Quản lý thị trường về Tổng Cục Quản lý thị trường).

- Biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách: 17.860 chỉ tiêu tại Công văn số 186/BNV-TCBC ngày 15/01/2018 của Bộ Nội vụ.

- Hợp đồng 68: 261 chỉ tiêu tại Công văn số 186/BNV-TCBC ngày 15/01/2018 và Công văn số 386/BNV-TCBC ngày 21/01/2020 của Bộ Nội vụ.

2. Kết quả thực hiện tinh giản biên chế từ năm 2015 đến năm 2021: 2.048 chỉ tiêu, đạt 10,2%, trong đó:

- Biên chế hành chính: 200 chỉ tiêu, đạt 10,2% so với biên chế được giao năm 2015 (1.956 chỉ tiêu);

- Biên chế sự nghiệp: 1.786 chỉ tiêu, đạt 10% so với biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách giao năm 2015 (17.860 chỉ tiêu).

- Hợp đồng 68: 62 chỉ tiêu, đạt 23,7% (261 chỉ tiêu).

Như vậy, từ năm 2015 đến năm 2021 số chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp hưởng lương ngân sách và hợp đồng 68 của tỉnh Quảng Trị giảm được 10,2%, đảm bảo tỷ lệ của Trung ương quy định giảm tối thiểu 10%.

Trong giai đoạn tiếp theo từ năm 2022 đến năm 2025 và từ năm 2026 đến năm 2030 tỉnh Quảng Trị phải giảm tối thiểu 20% biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách (mỗi giai đoạn 10%), cụ thể:

- Giai đoạn 2022-2025: Giảm 1.607 chỉ tiêu, đạt 10%, tương ứng mỗi năm giảm 401 chỉ tiêu.

- Giai đoạn 2026-2030: Giảm 1.447 chỉ tiêu, đạt 10%, tương ứng mỗi năm giảm 289 chỉ tiêu.

VIII. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH QUẢN LÝ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP NĂM 2020

1. Ưu điểm:

- Việc giao chỉ tiêu biên chế, SNLV cho các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã được thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ; đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh đã cân đối, điều chỉnh để cơ bản có đủ số lượng giáo viên đứng lớp trong tình hình cắt giảm biên chế, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- Việc quản lý và sử dụng biên chế, SNLV đã được kiểm soát chặt chẽ, đúng với các quy định của Trung ương và Nghị quyết của HĐND tỉnh.

- Các cơ quan hành chính, ĐVSNCL đã thực hiện việc tuyển dụng kịp thời, bố trí người làm việc phù hợp với vị trí việc làm và khung năng lực đã được phê duyệt.

- Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và thực hiện Quy định điều động luân phiên giáo viên công tác trong các ĐVSNCL từ nơi thừa đến nơi thiếu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo Quyết định số 3735/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh đã góp phần từng bước giải quyết tình trạng thừa, thiếu, mất cân đối về cơ cấu và bất cập về trình độ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của tỉnh, đặc biệt là đội ngũ giáo viên trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Triển khai thực hiện kịp thời Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 kèm theo Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã; thôn, bản, khu phố;

cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, đã góp phần làm cho bộ máy từng bước được tinh gọn, gắn với tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kết quả cụ thể đã giảm được:

+ 16 đơn vị hành chính cấp xã (Hải Lăng 04, Gio Linh 04, Vĩnh Linh 04, Hướng Hóa 01, Triệu Phong 01, Cam Lộ 01, Đakrông 01) và 283 thôn, bản, khu phố;

+ 26 phòng chuyên môn thuộc sở, ban, ngành;

+ 01 chi cục (Chi cục Văn thư - Lưu trữ, thuộc Sở Nội vụ) và 12 phòng chuyên môn thuộc ban, chi cục;

+ 164 đơn vị sự nghiệp công lập (lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 101 đơn vị; lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp: 17 đơn vị; lĩnh vực y tế: 21 đơn vị; lĩnh vực văn hoá: 11 đơn vị; lĩnh vực khác (sự nghiệp khác): 14 đơn vị), đạt 24,8% so với tổng số đơn vị sự nghiệp công lập toàn tỉnh, vượt 14,8% so với mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW đề ra đến năm 2021 và đạt 87,2% so với tổng số đơn vị phải thực hiện tại Kế hoạch số 84-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 1322/QĐ-UBND của UBND tỉnh đề ra đến năm 2030; số còn lại dự kiến phải giảm là 24 đơn vị (chủ yếu là chuyển sang cổ phần).

- Tỷ lệ tinh giản biên chế của tỉnh giai đoạn 2015-2021 đạt 10,2%, vượt 0,2% so với tỷ lệ tối thiểu Trung ương quy định.

- Việc giao quyền tự chủ theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ *Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập* và các nghị định quy định cơ chế tự chủ chuyên ngành đối với các đơn vị sự nghiệp công lập từng bước được đẩy mạnh tự chủ về chi thường xuyên, giảm biên chế và chi ngân sách nhà nước trong việc thực hiện các dịch vụ công, đặc biệt là các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế.

2. Hạn chế:

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020, trong đó yêu cầu: Các bộ ngành chậm nhất đến hết ngày 31/10/2020 phải ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm đối với công chức nghiệp vụ chuyên ngành được giao quản lý từ trung ương đến địa phương, định mức biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Tuy nhiên, hiện nay các Bộ ngành chưa ban hành hướng dẫn nên địa phương chưa có cơ sở để triển khai thực hiện, gây khó khăn trong xác định vị trí việc làm và xác định biên chế trong các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

- Tỷ lệ bình quân học sinh/lớp so với mức quy định còn thấp (cấp tiểu học: Lớp học 1 buổi/ngày: 18,1/35 học sinh/lớp, đạt 51,7%, lớp học 2 buổi/ngày: 25,2/35 học sinh/lớp, đạt 72,0%; cấp trung học cơ sở: 34,9/45 học sinh/lớp, đạt 77,5%) nên việc phân bổ biên chế gặp khó khăn.

- Thực hiện tinh giản biên chế chưa quyết liệt, chưa thông qua việc đánh giá cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện tinh giản mà chủ yếu cắt giảm chỉ tiêu nghỉ hưu hoặc chỉ tiêu chưa tuyển dụng. Trong 2.048 chỉ tiêu phải thực hiện tinh giản của giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2021 thì có đến 1.302 chỉ tiêu cắt giảm số nghỉ hưu theo chế độ và số chưa tuyển dụng, chiếm 63,5%. Nhiều đơn vị sự nghiệp thừa cơ cấu nhưng chưa có giải pháp tích cực để tinh giản nên tình trạng thừa thiếu vẫn còn ở một số đơn vị, nhất là ngành giáo dục.

- Việc đề xuất tuyển dụng của một số sở, ngành, huyện, thành phố, thị xã vẫn

còn tình trạng: Chưa đúng với vị trí việc làm, trình độ, ngành đào tạo cần tuyển; chưa thực hiện tinh giản biên chế để dành biên chế tuyển dụng các vị trí việc làm còn thiếu; chưa thực hiện rà soát, điều động, cân đối thừa, thiếu SNLV giữa các đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý và chưa quyết liệt trong việc thực hiện điều động giáo viên từ nơi thừa sang nơi thiếu giữa các địa phương trong tỉnh nên tình trạng bất cập về cơ cấu vẫn còn.

- Việc thực hiện bố trí số học sinh/lớp theo quy định tại điều lệ trường học và Nghị quyết số 20/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh về quy hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, tuy đã được cải thiện so với những năm trước, nhưng vẫn còn tình trạng một số đơn vị bố trí số học sinh/lớp nhỏ hơn định mức tối thiểu theo quy định, dẫn đến lãng phí trong sử dụng cơ sở vật chất và khó khăn trong bố trí giáo viên.

B. KẾ HOẠCH BIÊN CHẾ, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC NĂM 2021

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

- Tỉnh Quảng Trị so với các tỉnh khác là một tỉnh có quy mô nhỏ, nhưng có đặc điểm tự nhiên đa dạng: Có đồng bằng, miền núi, trung du, biển, có biên giới trên đất liền và trên biển, do đó cơ cấu tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện đa dạng. Ngoài 17 sở, ban, ngành được tổ chức thống nhất trong cả nước, còn phải thực hiện các chức năng quản lý nhà nước mang tính đặc thù của địa phương như: Ngoại vụ, Dân tộc.... Với số lượng biên chế Trung ương giao như hiện nay rất khó để đảm bảo bố trí biên chế đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước theo ngành lĩnh vực và địa bàn lãnh thổ.

- Biên chế hành chính còn thiếu, nhiều nhiệm vụ mới được bổ sung, được tách bạch giữa quản lý hành chính và cung cấp dịch vụ công chưa được bổ sung biên chế, trong khi phải thực hiện cắt giảm hàng năm, nên tạo áp lực rất lớn cho việc giao biên chế đối với từng cơ quan, đơn vị. Do đó để thực hiện tinh giản biên chế đòi hỏi phải sắp xếp lại tổ chức bộ máy theo đúng quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 Quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, sử dụng đúng định mức biên chế, số người làm việc theo quy định, đẩy mạnh tự chủ, xã hội hóa ở những ngành lĩnh vực có điều kiện và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo chiếm 81,2% trong tổng biên chế sự nghiệp của toàn tỉnh; do đó, giảm biên chế chủ yếu là cắt giảm ở sự nghiệp giáo dục và đào tạo; yêu cầu đặt ra là đẩy mạnh sắp xếp lại hệ thống trường lớp, tăng sĩ số học sinh/lớp và chuyển một số trường của cấp mầm non và trung học phổ thông ở những nơi có điều kiện xã hội hóa cao ra ngoài công lập, để dành biên chế bố trí cho những vùng khó khăn, những điểm trường lẻ, đảm bảo bố trí đủ số lượng giáo viên đúng lớp, góp phần giảm áp lực về giảm biên chế trong tình hình phải thực hiện tinh giản biên chế.

- Chính phủ chỉ mới ban hành quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp

công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác (Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016), còn đối với sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa chưa có quy định thực hiện; chưa có quy định về việc chuyển các trường mầm non, trung học phổ thông ở những nơi có điều kiện xã hội hóa cao ra ngoài công lập; nhiều Bộ chuyên ngành chưa ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật nên việc triển khai giao tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, Quảng Trị là tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội đang ở mức trung bình so với cả nước, đời sống người dân còn khó khăn. Nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp còn thấp, mức độ xã hội hóa các dịch vụ công chưa cao. Do đó, việc triển khai giao quyền tự chủ cho các ĐVSNCL còn hạn chế.

- Trong 02 giai đoạn tiếp (giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025 và giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030) mỗi giai đoạn tỉnh Quảng Trị phải giảm tối thiểu 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương ngân sách sẽ là một nhiệm vụ hết sức nặng nề đối với các ngành, địa phương, đặc biệt là sự nghiệp giáo dục của các huyện, thị xã, thành phố.

II. QUAN ĐIỂM

- Việc giao, sử dụng, quản lý biên chế phải đạt được mục tiêu của Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Kết luận số 17-KL/TW của Bộ Chính trị.

- Thực hiện nghiêm nguyên tắc Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất lãnh đạo, quản lý về tổ chức bộ máy và biên chế.

- Việc bổ sung biên chế cho các tổ chức hành chính, ĐVSNCL thành lập mới hoặc được bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ, tăng khối lượng công việc phải tự cân đối, điều chỉnh trong tổng số biên chế đã được giao hàng năm cho ngành, địa phương sau khi đã giảm đủ số lượng cắt giảm hàng năm do thực hiện tinh giản biên chế.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định Nghị định số 107/2020/NĐ-CP, Nghị định số 108/2020/NĐ-CP và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP theo nguyên tắc:

+ Đối với phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh phải có tối thiểu 05 biên chế công chức.

+ Đối với Chi cục và tương đương thuộc Sở phải có tối thiểu 12 biên chế công chức.

+ Đối với phòng thuộc Chi cục và tương đương phải có tối thiểu 05 biên chế công chức.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp công lập phải đảm bảo số lượng người làm việc tối thiểu là 15 người (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu được thành lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành). Các đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập mới phải tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (trừ trường hợp phải thành lập mới để cung ứng dịch

vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu); Đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả thì tổ chức lại hoặc giải thể. Việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập không được làm tăng thêm số lượng người hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm thực hiện đúng quy định về số lượng cấp phó của đơn vị và thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

- Hoàn thành phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong cơ quan, tổ chức hành chính; phê duyệt điều chỉnh danh mục vị trí việc làm, khung năng lực và SNLV đối với các lĩnh vực có hướng dẫn mới của Trung ương về định mức số người làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, làm cơ sở giao biên chế, SNLV chính xác, khoa học.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa sử dụng hết số biên chế sự nghiệp được giao cần xem xét, đánh giá lại để có biện pháp cắt giảm phù hợp với tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế và vị trí việc làm được phê duyệt.

- Không thực hiện việc ký hợp đồng lao động đối với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là công chức trong các cơ quan hành chính hoặc là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và y tế không thực hiện hợp đồng lao động trên 12 tháng đối với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là viên chức hưởng lương ngân sách trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo chi thường xuyên hoặc một phần chi thường xuyên.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển ĐVSNCL thành công ty cổ phần và Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển ĐVSNCL thành công ty cổ phần.

III. CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ NĂM 2021

1. Số Bộ Nội vụ giao:

- Biên chế hành chính: **1.756** chỉ tiêu tại Quyết định số 768/QĐ-BNV ngày 12/10/2020 của Bộ Nội vụ (*giảm 27 chỉ tiêu do tinh giản biên chế theo lộ trình*);

- Số người làm việc (biên chế sự nghiệp): **16.074** chỉ tiêu tại Công văn số 4706/BNV-TCBC ngày 09/9/2020 của Bộ Nội vụ (*giảm 399 chỉ tiêu do tinh giản biên chế theo lộ trình*).

- Hợp đồng 68: **199** chỉ tiêu, giảm 43 chỉ tiêu, trong đó:

+ Trong cơ quan hành chính: **103** chỉ tiêu tại Công văn số 386/BNV-TCBC ngày 21/01/2020 của Bộ Nội vụ (*giảm 41 chỉ tiêu của năm 2020 và năm 2021*).

+ Trong đơn vị sự nghiệp công lập: **96** chỉ tiêu tại Công văn số 4706/BNV-TCBC ngày 09/9/2020 của Bộ Nội vụ (*giảm 02 chỉ tiêu so với số giao năm 2020*).

- Biên chế trong các tổ chức hội: **71** chỉ tiêu (*giữ nguyên*).

2. Số HĐND tỉnh dự kiến phê duyệt:

2.1. Hưởng lương từ ngân sách: **18.100** chỉ tiêu, trong đó:

a) Biên chế hành chính: **1.756** chỉ tiêu, bằng số chỉ tiêu Bộ Nội vụ giao, *giảm 27 chỉ tiêu so với số giao năm 2020 do thực hiện tinh giản biên chế*.

b) Số người làm việc (biên chế sự nghiệp): **16.074** chỉ tiêu, bằng số chỉ tiêu

Bộ Nội vụ giao, *giảm 399 chỉ tiêu so với năm 2020 do thực hiện tinh giản biên chế*, trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 13.287 chỉ tiêu, *giảm 102 chỉ tiêu (chỉ tiêu dự phòng: 30)*;
- Sự nghiệp y tế : 1.966 chỉ tiêu, *giảm 236 chỉ tiêu (chỉ tiêu dự phòng: 32)*;
- Sự nghiệp văn hóa - thể thao : 333 chỉ tiêu, *giảm 12 chỉ tiêu*;
- Sự nghiệp khác : 488 chỉ tiêu, *giảm 49 chỉ tiêu (chỉ tiêu dự phòng: 46)*.

c) Hợp đồng 68: 199 chỉ tiêu, giảm 43 chỉ tiêu, trong đó:

- Trong cơ hành chính: 103 chỉ tiêu, *giảm 41 chỉ tiêu do tinh giản biên chế của 02 năm (năm 2020 và năm 2021)*;
- Trong đơn vị sự nghiệp công lập: 96 chỉ tiêu, *giảm 02 chỉ tiêu do tinh giản biên chế*.

d) Biên chế trong các tổ chức hội: 71 chỉ tiêu, trong đó có 01 chỉ tiêu dự phòng (giữ nguyên).

2.2. Hợp đồng lao động (Từ nguồn ngân sách địa phương): 56 chỉ tiêu, bằng số chỉ tiêu của năm 2020.

2.3. Hưởng lương từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị: Theo Nghị định số 106/2020/NĐ-CP quy định UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định giao số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý. Do đó, sau khi được HĐND tỉnh quyết định phê duyệt số biên chế và hợp đồng lao động hưởng lương ngân sách tại các cơ quan, đơn vị, UBND sẽ quyết định giao biên chế, hợp đồng lao động hưởng lương ngân sách và số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp theo đúng quy định.

- Dự kiến số giao năm 2021 đối với các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên, đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên (sự nghiệp y tế): 2.022 chỉ tiêu, trong đó:

+ Trong đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 996 chỉ tiêu;

+ Trong đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: 1.026 chỉ tiêu.

Như vậy, số giao năm 2021 so với số giao năm 2020 giảm 731 chỉ tiêu do không giao số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu đối với các đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp khác tự đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp khác tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP.

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

IV. THUYẾT MINH TĂNG GIẢM BIÊN CHẾ NĂM 2021:

1. Biên chế hành chính: 1.756 chỉ tiêu, giảm 27 chỉ tiêu so với số giao năm 2020, cụ thể:

1.1. Giảm: 32 chỉ tiêu, gồm :

1.1.1. Thực hiện tinh giản biên chế: 29 chỉ tiêu

Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Quyết định số 2218/QĐ-TTg và

các Quyết định của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị, năm 2021 đề xuất HĐND tỉnh cắt giảm 29 chỉ tiêu biên chế hành chính của các cơ quan, địa phương sau:

- | | | | |
|---|----------------|--------------------------|----------------|
| - Sở NN và PTNT (Chi cục Kiểm lâm) | : 03 chỉ tiêu; | - Văn phòng UBND tỉnh | : 01 chỉ tiêu; |
| - Sở Tư pháp | : 01 chỉ tiêu; | - UBND TP Đông Hà | : 02 chỉ tiêu; |
| - Sở Xây dựng | : 01 chỉ tiêu; | - UBND TX. Quảng Trị | : 02 chỉ tiêu; |
| - Sở Giao thông vận tải | : 01 chỉ tiêu; | - UBND huyện Vĩnh Linh | : 01 chỉ tiêu; |
| - Sở Nội vụ (Cơ quan Sở) | : 01 chỉ tiêu; | - UBND huyện Gio Linh | : 02 chỉ tiêu; |
| - Sở Công Thương | : 01 chỉ tiêu; | - UBND huyện Hải Lăng | : 02 chỉ tiêu; |
| - Sở Lao động - TB&XH | : 01 chỉ tiêu; | - UBND huyện Triệu Phong | : 01 chỉ tiêu; |
| - Sở Ngoại vụ | : 01 chỉ tiêu; | - UBND huyện Cam Lộ | : 02 chỉ tiêu; |
| - Sở Tài chính | : 01 chỉ tiêu; | - UBND huyện Đakrông | : 02 chỉ tiêu; |
| - Sở Khoa học và Công nghệ (Chi cục Tiêu chuẩn, ĐLCL) | : 01 chỉ tiêu; | - UBND huyện Hướng Hóa | : 01 chỉ tiêu. |
| - Sở Giáo dục và Đào tạo | : 01 chỉ tiêu; | | |

1.1.2. Cắt giảm biên chế hành chính làm nhân viên lái xe trước thời điểm ngày 01/4/1993 đã nghỉ công tác: 03 chỉ tiêu, gồm:

- Sở Giáo dục và Đào tạo: 01 chỉ tiêu nhân viên lái xe nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/10/2019.

- Văn phòng UBND tỉnh: 01 chỉ tiêu nhân viên lái xe nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/01/2021.

- Văn phòng HĐND và UBND huyện Đakrông: 01 chỉ tiêu nhân viên lái xe mất do ốm đau.

1.2. Đưa vào nguồn dự phòng: **05** chỉ tiêu để bổ sung cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh do chuyển Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh trực thuộc Văn phòng Quốc hội về tỉnh quản lý và sáp nhập với Văn phòng HĐND tỉnh thành Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, trực thuộc HĐND tỉnh hoặc cân đối, điều chỉnh cho các cơ quan được bổ sung chức năng, nhiệm vụ, tăng khối lượng công việc (trường hợp không bổ sung cho Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh).

Như vậy, tổng số biên chế hành chính giao năm 2021 là 1.756 chỉ tiêu, trong đó có 05 chỉ tiêu dự phòng, giảm 27 chỉ tiêu so với năm 2020 do thực hiện tinh giản biên chế, bằng số Bộ Nội vụ giao.

2. Số người làm việc (biên chế sự nghiệp): 16.074 chỉ tiêu, giảm 399 chỉ tiêu so với năm 2020, cụ thể:

2.1. Giảm: 435 chỉ tiêu

a) Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP: 399 chỉ tiêu

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Y tế: 204 chỉ tiêu (cắt giảm chỉ tiêu hưởng lương từ ngân sách của các đơn vị chuyển sang cơ chế tài chính tự đảm bảo chi thường xuyên).

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 06 chỉ tiêu.

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 04 chỉ tiêu.

- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 03 chỉ tiêu.
- Đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ: 01 chỉ tiêu.
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh: 03 chỉ tiêu.
- Trường Cao đẳng Sư phạm: 03 chỉ tiêu.
- Trường Cao đẳng y tế: 03 chỉ tiêu.
- Đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập cấp Tiểu học và cấp Trung học cơ sở của huyện Triệu Phong và Hải Lăng: 40 chỉ tiêu, gồm: Huyện Triệu Phong: 29 chỉ tiêu, huyện Hải Lăng: 11 chỉ tiêu.
- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã, thành phố: 19 chỉ tiêu, gồm:
 - + Thành phố Đông Hà: 07 chỉ tiêu;
 - + Các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh, Cam Lộ, Đakrông, Hướng Hóa và Thị xã Quảng Trị: Mỗi huyện 02 chỉ tiêu (12 chỉ tiêu).
- Trung tâm Văn hóa thông tin - Thể dục thể thao các huyện, thành phố: 05 chỉ tiêu, gồm:
 - + Huyện Đakrông: 02 chỉ tiêu;
 - + Huyện Triệu Phong: 01 chỉ tiêu;
 - + Huyện Hướng Hóa: 01 chỉ tiêu;
 - + Thành phố Đông Hà: 01 chỉ tiêu.
- Chỉ tiêu dự phòng năm 2020 để giảm trừ tình giảm biên chế của năm 2021: 108 chỉ tiêu, gồm: Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 30 chỉ tiêu, sự nghiệp y tế: 32 chỉ tiêu, sự nghiệp khác: 46 chỉ tiêu.

b) Do chuyển đổi cơ chế tự chủ của các đơn vị: 03 chỉ tiêu

- Ban Quản lý Trung tâm thương mại Lao Bảo, thuộc UBND huyện Hướng Hóa: 03 chỉ tiêu theo lộ trình đến năm 2021 sẽ chuyển sang cơ chế tự đảm bảo chi thường xuyên.

c) Do chấm dứt hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập: 04 chỉ tiêu của Tổng đội thanh niên xung phong, thuộc Tỉnh đoàn theo Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã; thôn, bản, khu phố; cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

d) Do giảm số học sinh, số lớp, số trường (thừa so với định mức quy định) để cân đối, điều chỉnh cho các huyện thiếu và giảm trừ vào chỉ tiêu tình giảm biên chế: 29 chỉ tiêu

- UBND huyện Triệu Phong: 18 chỉ tiêu
 - Tổng SNLV theo định mức quy định (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) là: 1.397 người làm việc;
 - Tổng SNLV được giao năm 2020 của sự nghiệp giáo dục (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) là: 1.444 người làm việc;
 - Số chỉ tiêu cắt giảm năm 2021 do tình giảm biên chế là: 29 chỉ tiêu.
- + Như vậy, SNLV được giao năm 2020 so với SNLV theo định mức quy định thừa 47 người ($47 = 1.444 - 1.397$);

Đề xuất cắt giảm 18 chỉ tiêu giao thừa của năm 2020 so với SNLV theo định mức quy định, sau khi trừ 29 chỉ tiêu cắt giảm do tình giảm biên chế năm 2021 ($18 = 47 - 29$).

- UBND huyện Hải Lăng: 11 chỉ tiêu
 - Tổng SNLV theo định mức quy định (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) là: 1.321 người làm việc;
 - Tổng SNLV được giao năm 2020 của sự nghiệp giáo dục (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) là: 1.346 người làm việc;
 - Tổng SNLV hiện có tính đến thời điểm 01/01/2021 của sự nghiệp giáo dục (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) là: 1.324 người làm việc;
 - Số chỉ tiêu cắt giảm năm 2021 do tinh giản biên chế là: 11 chỉ tiêu.
 - + SNLV được giao so với SNLV theo định mức quy định thừa 25 người;
 - + SNLV hiện có so với SNLV theo định mức quy định thừa 03 người;
- Đề xuất cắt giảm 11 chỉ tiêu giao thừa của năm 2020 so với SNLV theo định mức quy định, sau khi trừ 11 chỉ tiêu cắt giảm do tinh giản biên chế năm 2021 ($11=25-3-11$).

Như vậy, tổng chỉ tiêu cắt giảm do thực hiện tinh giản biên chế, chuyển đổi cơ chế tự chủ, giải thể đơn vị, giảm trường lớp, số học sinh là: 435 chỉ tiêu, trong đó:

- 399 chỉ tiêu Bộ Nội vụ giảm do tinh giản biên chế năm 2021 theo Công văn số 4706/BNV-TCBC;
- Số còn lại 36 chỉ tiêu để bổ sung cho các đơn vị do tăng quy mô số lớp, số học sinh chuẩn của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, các đơn vị được thành lập mới, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, tăng khối lượng công việc, thiếu số người làm việc so với vị trí việc làm được phê duyệt.

2.3. Tăng: 36 chỉ tiêu

a) Sự nghiệp giáo dục của cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc UBND huyện, thành phố: 25 chỉ tiêu

- UBND thành phố Đông Hà: 14 chỉ tiêu
 - Tổng SNLV theo định mức số lớp, số học sinh hiện có là: 1.130 người làm việc;
 - Tổng SNLV theo định mức số lớp, số học sinh tối đa theo Điều lệ trường học (sau đây gọi là định mức chuẩn), (cấp tiểu học 35 học sinh/lớp, cấp trung học cơ sở 45 học sinh/lớp) là: 1.104 người làm việc;
 - Tổng SNLV được giao năm 2019 của sự nghiệp giáo dục là: 1.090 người làm việc;
 - + SNLV được giao so với SNLV theo định mức chuẩn quy định thiếu 14 người;

Đề xuất bổ sung 14 chỉ tiêu giáo viên giao còn thiếu so với định mức chuẩn quy định.

- UBND huyện Đakrông: 11 chỉ tiêu để bố trí giáo viên do chuyển học sinh từ thôn 6, thôn 7 của Xã Hồng Thủy, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế chuyển về xã A Bung, huyện Đakrông.

• Đối với số chỉ tiêu giao năm 2021 còn thiếu so với định mức số lớp, số học sinh hiện có của một số huyện, do tỷ lệ học sinh/lớp thấp nên không được Bộ Nội vụ xem xét bổ sung và tỉnh không thể cân đối, điều chỉnh trong tổng số chỉ tiêu đã được Trung ương giao năm 2021. Để đảm bảo công tác dạy học đề nghị các huyện, thị xã, thành phố bằng các giải pháp như: Thực hiện ghép lớp; tăng tỷ lệ

học sinh trên lớp; ghép các điểm trường lẻ ở những nơi có điều kiện; tăng định mức số tiết/tuần đối với giáo viên dạy lớp có tỷ lệ học sinh thấp do khối lượng công việc chấm bài, quản lý học sinh ít hơn định mức quy định; khuyến khích mở thêm các trường ngoài công lập để giảm học sinh trường công lập; thực hiện chuyển một số trường mầm non công lập sang tự chủ chi thường xuyên hoặc ra ngoài công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, để tự cân đối, điều chỉnh trong số chỉ tiêu được giao năm 2021 chưa vượt định mức chuẩn quy định và ưu tiên dành chỉ tiêu số người làm việc bố trí cho các vùng khó khăn.

b) Sự nghiệp khác: 11 chỉ tiêu

- Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp 1, thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 08 chỉ tiêu

- Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp 1 được thành lập theo Quyết định số 1174/QĐ-UBND ngày 31/5/2016 của UBND tỉnh. Sau khi thành lập Trung tâm dự kiến quy mô tiếp nhận khoảng 100-150 người tâm thần kinh và khoảng 100-120 người nghiện ma túy. Hiện nay, Trung tâm tiếp nhận được số lượng như sau:

- + Đối tượng người tâm thần kinh: 84 người, trong đó: Đã tiếp nhận 70 người, đã hoàn thành hồ sơ để tiếp nhận thêm 16 người;

- + Đối tượng người nghiện ma túy: 42 người, trong đó: Đã tiếp nhận 27 người, đã hoàn thành hồ sơ để tiếp nhận thêm 15 người.

- Năm 2020 Trung tâm được giao 49 chỉ tiêu, trong đó: 47 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước và 02 chỉ tiêu hợp đồng 68.

- Theo Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 08/10/2019, Trung tâm có 64 chỉ tiêu, trong đó: 62 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước và 02 chỉ tiêu hợp đồng 68.

Như vậy, số người làm việc theo vị trí việc làm được phê duyệt so với số người làm việc được giao năm 2020 còn thiếu 15 chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương ngân sách nhà nước. Để đảm bảo cho hoạt động của Trung tâm, đề xuất bổ sung 50% số chỉ tiêu còn thiếu so với vị trí việc làm được phê duyệt, tương ứng với 08 chỉ tiêu; 50% chỉ tiêu thiếu còn lại, tương ứng với 07 chỉ tiêu sẽ xem xét bổ sung khi có chỉ tiêu dư từ các đơn vị sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế.

- Chi cục Thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 02 chỉ tiêu

- Chi cục Thủy sản từ năm 2019 được bổ sung nhiệm vụ là Cơ quan Thường trực của Văn phòng thanh tra, kiểm soát nghề cá tại Cảng cá Cửa Tùng và Cảng cá Cửa Việt (gọi tắt là Văn phòng IUU; được thành lập theo Chỉ thị số 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách để khắc phục cảnh báo của Ủy ban Châu Âu về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định). Tuy nhiên, nguồn nhân lực của Chi cục để thực hiện nhiệm vụ này đang còn hạn chế.

- Để thực hiện có hiệu quả các quy định của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 5649/BNN-TCTS ngày 19/8/2020 về tập trung thực hiện các giải pháp chống khai thác IUU, đề xuất bổ sung 02 chỉ tiêu sự nghiệp khác để bố trí viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyên

trách tại 02 Văn phòng IUU.

- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, thuộc Sở Công thương: 01 chỉ tiêu

- Theo Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 10/01/2020, Trung tâm có 09 chỉ tiêu sự nghiệp khác hưởng lương ngân sách và 01 hợp đồng 68.

- Năm 2020, Trung tâm được giao 08 chỉ tiêu sự nghiệp khác hưởng lương ngân sách và 02 hợp đồng 68.

Số người làm việc theo vị trí việc làm được phê duyệt so với số người làm việc được giao năm 2020 còn thiếu 01 chỉ tiêu sự nghiệp khác hưởng lương ngân sách và thừa 01 hợp đồng 68. Đề xuất bổ sung 01 chỉ tiêu sự nghiệp khác hưởng lương ngân sách để thực hiện tuyển dụng, bố trí người làm việc, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đồng thời cắt giảm 01 hợp đồng 68 theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt.

Như vậy, tổng chỉ tiêu giao năm 2020 sau khi đã trừ số cắt giảm do thực hiện tinh giản biên chế 399 chỉ tiêu: **16.074** chỉ tiêu, bằng số Bộ Nội vụ giao năm 2021.

3. Hợp đồng 68: 199 chỉ tiêu, giảm 43 chỉ tiêu, trong đó:

3.1. Hợp đồng 68 trong các cơ quan hành chính: 103 chỉ tiêu, giảm 41 chỉ tiêu so với số giao năm 2020 do tinh giản biên chế.

a) Giảm: 45 chỉ tiêu

Tại Công văn số 386/BNV-TCBC ngày 21/01/2020 của Bộ Nội vụ về việc hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Quảng Trị năm 2020 và năm 2021, trong đó Bộ Nội vụ yêu cầu trong 02 năm (năm 2020 và năm 2021) tỉnh Quảng Trị phải cắt giảm 41 chỉ tiêu hợp đồng 68 so với số được HĐND tỉnh phê duyệt năm 2020. Để đảm bảo số giao hợp đồng 68 phù hợp với số giao của Bộ Nội vụ, đề xuất cắt giảm như sau:

- 21 chỉ tiêu là nhân viên lái xe dôi dư so với tiêu chuẩn định mức sử dụng xe ô tô được quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô, gồm:

- + Sở Y tế: 03 chỉ tiêu (01 cơ quan Sở, 01 Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và 01 Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm);

- + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm): 03 chỉ tiêu (trong đó 02 chỉ tiêu xe chuyên dùng chuyển sang hợp đồng lao động do ngân sách địa phương đảm bảo);

- + Sở Nội vụ: 02 chỉ tiêu (01 cơ quan Sở và 01 Ban Thi đua - Khen thưởng).

- + Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 02 chỉ tiêu;

- + Sở Kế hoạch và Đầu tư: 01 chỉ tiêu;

- + Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: 01 chỉ tiêu;

- + Sở Xây dựng: 01 chỉ tiêu;

- + Thanh tra tỉnh: 01 chỉ tiêu;

- + Văn phòng UBND tỉnh: 01 chỉ tiêu;

- + Ban Quản lý các khu Kinh tế tỉnh: 01 chỉ tiêu;

- + Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Biển, Hải đảo và Khí tượng thủy văn): 01 chỉ tiêu;

văn): 01 chỉ tiêu;

+ Văn phòng HĐND và UBND thành phố Đông Hà: 01 chỉ tiêu;

+ Văn phòng HĐND và UBND huyện Hải Lăng: 01 chỉ tiêu;

+ Văn phòng HĐND và UBND huyện Cam Lộ: 01 chỉ tiêu;

+ Văn phòng HĐND và UBND huyện Đảo Cồn Cỏ: 01 chỉ tiêu.

- 09 nhân viên phục vụ tại các Chi cục thuộc Sở: Theo vị trí việc làm đối với các Chi cục thuộc Sở bố trí nhân viên văn thư kiêm phục vụ, do đó cắt giảm 09 nhân viên phục vụ tại các Chi cục thuộc Sở gồm:

+ Các chi cục thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 06 chỉ tiêu (03 Chi cục Kiểm Lâm, 01 Chi cục Chăn nuôi và Thú y, 01 Chi cục Phát triển nông thôn, 01 Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản);

+ Ban Tôn giáo, thuộc Sở Nội vụ: 01 chỉ tiêu;

+ Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, thuộc Sở Khoa học và Công nghệ: 01 chỉ tiêu;

+ Chi cục Bảo vệ môi trường, thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: 01 chỉ tiêu.

- 04 chỉ tiêu là nhân viên phục vụ kiêm văn thư tại các phòng chuyên môn thuộc UBND thành phố Đông Hà, gồm: 01 Phòng Nội vụ, 01 Phòng Quản lý đô thị, 01 Phòng Giáo dục và Đào tạo, 01 Phòng Tài chính - Kế hoạch.

- 04 chỉ tiêu là nhân viên phụ trách điện nước, gồm: 01 Sở Công Thương, 01 Văn phòng HĐND tỉnh, 01 Văn phòng HĐND và UBND huyện Vĩnh Linh, 01 Văn phòng HĐND và UBND huyện Triệu Phong: Theo vị trí việc làm phụ trách điện nước tại các cơ quan, đơn vị do nhân viên lái xe kiêm nhiệm, do đó không bố trí hợp đồng 68 phụ trách điện nước; riêng Văn phòng HĐND tỉnh phụ trách điện nước do nhân viên kỹ thuật kiêm nhiệm.

- 02 chỉ tiêu là nhân viên bảo vệ, gồm:

+ Văn phòng UBND tỉnh: 01 chỉ tiêu do đã có lực lượng công an bảo vệ mục tiêu thực hiện nhiệm vụ, do đó theo vị trí việc làm không bố trí bảo vệ là hợp đồng 68.

+ 01 nhân viên Bảo vệ tại Nghĩa trang liệt sỹ huyện Vĩnh Linh: Nghĩa trang liệt sỹ huyện Vĩnh Linh hiện do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý nhưng thực hiện chức năng sự nghiệp của ngành lao động, thương binh và xã hội, do đó chuyển 01 hợp đồng 68 trong cơ quan, tổ chức hành chính sang hợp đồng 68 trong đơn vị sự nghiệp để đảm bảo đúng vị trí việc làm.

- 01 Nhân viên kỹ thuật tại Sở Thông tin và Truyền thông: Theo vị trí việc các sở, ban, ngành cấp tỉnh (trừ Văn phòng HĐND tỉnh) không bố trí nhân viên kỹ thuật. Do đó, cắt giảm 01 chỉ tiêu nhân viên kỹ thuật theo vị trí việc làm.

- 01 chỉ tiêu nhân viên lái xe tuyên truyền lưu động kiêm điện nước, âm thanh, ánh sáng tại Trung tâm Văn hóa, thông tin - Thể dục thể thao huyện Đakrông, thuộc UBND huyện Đakrông do chuyển đổi hợp đồng 68 trong cơ quan, tổ chức hành chính sang hợp đồng 68 trong đơn vị sự nghiệp để đảm bảo đúng quy định (Hợp đồng 68 này trước đây bố trí tại Phòng Văn hóa và Thông tin huyện. Tuy nhiên hiện nay UBND tỉnh quyết định thành lập Trung tâm Văn hóa, thông tin - Thể dục thể thao huyện Đakrông trên cơ sở hợp nhất Đài Phát thanh - Truyền hình huyện, Trung tâm Thể dục thể thao huyện và bộ phận sự nghiệp văn hóa thuộc Phòng Văn hóa và Thông tin huyện).

- 02 chỉ tiêu chưa sử dụng, trong đó: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh 01 chỉ tiêu (Giao 05 chỉ tiêu, hiện có mặt 04 người, gồm: 02 lái xe, 02 phục vụ (01 tại Văn phòng đại diện Lao Bảo)); Ban Dân tộc 01 chỉ tiêu (giao 03 chỉ tiêu, hiện có mặt 02 người, gồm: 01 lái xe và 01 phục vụ).

- 01 chỉ tiêu dự phòng tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 của HĐND tỉnh về chỉ tiêu biên chế hành chính, số người làm việc năm 2020.

b) Tăng: 04 chỉ tiêu

- Nhân viên phục vụ còn thiếu so với vị trí việc làm phê duyệt: 03 chỉ tiêu, gồm: 01 Cơ quan Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 01 Cơ quan Sở Y tế và 01 Văn phòng HĐND và UBND huyện đảo Côn Cỏ.

- Sở Giáo dục và Đào tạo có 01 nhân viên lái xe thuộc biên chế hành chính đã nghỉ hưu theo chế độ ngày 01/10/2019 như đã đề xuất cắt giảm biên chế hành chính ở trên. Đề xuất chuyển đổi 01 biên chế hành chính sang 01 hợp 68 để bố trí nhân viên lái xe thay lái xe thuộc biên chế hành chính đã nghỉ hưu theo chế độ.

Như vậy, chỉ tiêu hợp đồng 68 giao năm 2021 trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Quảng Trị là **103** chỉ tiêu, bằng số Bộ Nội vụ giao. Tuy nhiên, với phương án cắt giảm số lượng lớn như trên thì khó khăn hiện nay là các Sở, Chi cục đang được bố trí xe và có nhu cầu sử dụng xe sẽ gặp khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ và giải quyết nhân viên lái xe dôi dư.

3.2. Hợp đồng 68 trong các đơn vị sự nghiệp công lập: 96 chỉ tiêu, giảm 02 chỉ tiêu so với năm 2020 do thực hiện tinh giản biên chế.

a) Giảm: 05 chỉ tiêu, trong đó:

- Giảm 03 chỉ tiêu dôi dư so với vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt, gồm: Trung tâm Văn hóa thông tin thị xã Quảng Trị: 01 chỉ tiêu, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, thuộc Sở Công Thương: 01 chỉ tiêu, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh, thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: 01 chỉ tiêu

- 02 chỉ tiêu dự phòng của năm 2020 chuyển sang.

b) Tăng: 03 chỉ tiêu, trong đó:

- Trung tâm Văn hóa, thông tin - Thể dục thể thao thành phố Đông Hà, thuộc UBND thành phố Đông Hà: 01 chỉ tiêu.

Theo Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 3481/QĐ-UBND ngày 17/12/2019), Trung tâm Văn hóa, thông tin - Thể dục thể thao thành phố Đông Hà có 01 hợp đồng 68 là nhân viên lái xe tuyên truyền lưu động kiêm điện nước, âm thanh, ánh sáng. Tuy nhiên, hiện chưa được bố trí hợp đồng 68, đề xuất bổ sung 01 chỉ tiêu hợp đồng 68 (các huyện khác đã được bố trí mỗi huyện 01 chỉ tiêu).

- 02 chỉ tiêu để chuyển đổi 02 hợp đồng 68 trong cơ quan hành chính sang hợp đồng 68 trong đơn vị sự nghiệp công lập như đề xuất ở trên, gồm: 01 bảo vệ tại Nghĩa trang Liệt sỹ huyện Vĩnh Linh và 01 nhân viên lái xe tuyên truyền lưu động kiêm điện nước, âm thanh, ánh sáng tại Trung tâm Văn hóa, thông tin - Thể dục thể thao huyện Đakrông, thuộc UBND huyện Đakrông.

Như vậy, chỉ tiêu hợp đồng 68 giao năm 2021 trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Quảng Trị là **96** chỉ tiêu, bằng số Bộ Nội vụ giao.

3. Biên chế trong các tổ chức Hội: 71 chỉ tiêu (*giữ nguyên*), trong đó có 01 chỉ tiêu dự phòng để giảm trừ tình giảm biên chế cho các năm sau.

- Giảm 01 chỉ tiêu dôi dư so với vị trí việc làm được phê duyệt tại Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh (đưa vào nguồn dự phòng).

4. Hợp đồng lao động: 56 chỉ tiêu, bằng số chỉ tiêu của năm 2020.

4.1. Hợp đồng chuyên trách bảo vệ rừng: 12 chỉ tiêu (*giảm 06 chỉ tiêu*)

- Giảm 06 chỉ tiêu hợp đồng chuyên trách bảo vệ rừng để chuyển sang chỉ tiêu sự nghiệp hưởng lương từ nguồn thu theo lộ trình được phê duyệt, gồm: Ban Quản lý rừng phòng hộ lưu vực sông Bến Hải: 03 chỉ tiêu; Ban Quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông: 03 chỉ tiêu.

4.2. Hợp đồng nhân viên nấu ăn và bảo vệ trong các trường chuyên biệt theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 20/7/2019 của HĐND tỉnh về phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: 39 chỉ tiêu (*tăng 01 chỉ tiêu*).

- Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Hướng Hóa, thuộc UBND huyện Hướng Hóa: 01 chỉ tiêu.

Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Hướng Hóa có 280 học sinh, định mức nhân viên nấu ăn là 5,6 người (01 nhân viên nấu ăn cho 50 học sinh nội trú).

Năm 2020, Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Hướng Hóa được giao 06 chỉ tiêu (04 nấu ăn và 02 bảo vệ), so với định mức thiếu 1,6 người. Đề xuất bổ sung 01 chỉ tiêu hợp đồng nấu ăn.

4.3. Hợp đồng lái xe chuyên dùng cho các Sở, Ban, Chi cục: 05 chỉ tiêu (*tăng 05 chỉ tiêu*)

Theo Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 15/10/2020 của UBND tỉnh *Quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị*, trong đó: Chi cục Kiểm Lâm, thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được bố trí tối thiểu 13 xe chuyên dùng; Cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban An toàn giao thông, thuộc Sở Giao thông và Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, thuộc Sở Khoa học và Công nghệ mỗi cơ quan được bố trí 01 xe chuyên dùng. Để đảm bảo có đủ lái xe chuyên dùng thực hiện nhiệm vụ, đề xuất bổ sung như sau: Chi cục Kiểm Lâm: 02 chỉ tiêu do cắt giảm 03 hợp đồng 68 như đề xuất ở trên, Cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường: 01 chỉ tiêu, Ban An toàn giao thông tỉnh: 01 chỉ tiêu, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 01 chỉ tiêu.

Như vậy, tổng chỉ tiêu hợp đồng lao động giao năm 2021 là: 56 chỉ tiêu, bằng số chỉ tiêu của năm 2020.

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ, SNLV NĂM 2021:

1. Chính sách đối với việc cắt giảm 38 chỉ tiêu hợp đồng 68 (19 nhân viên lái xe, 13 nhân viên phục vụ, 04 nhân viên điện nước, 01 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên kỹ thuật) trong cơ quan, tổ chức hành chính do tình giảm biên chế:

Việc cắt giảm và thực hiện các chế độ chính sách đối với hợp đồng 68 trong cơ quan, tổ chức hành chính được thực hiện đến ngày 31/12/2021. Trong thời gian chưa cắt giảm, những trường hợp hợp đồng 68 kể trên tiếp tục được

hưởng lương và các chế độ chính sách như hiện hưởng, kinh phí chi trả từ nguồn ngân sách.

Sau khi thực hiện việc chấm dứt hợp đồng 68, trường hợp các cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng lao động phục vụ, bảo vệ, điện nước, nhân viên kỹ thuật thì căn cứ quy định tại luật Lao động số 10/2012/QH13 và các văn bản liên quan để thực hiện việc ký hợp đồng lao động, kinh phí chi trả cho hợp đồng lao động từ nguồn tiết kiệm chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

Đối với những trường hợp hợp đồng 68 cắt giảm không được hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định, ngoài chế độ, chính sách hiện hành được hưởng thì được hỗ trợ thêm 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội, kinh phí chi trả từ nguồn ngân sách địa phương.

2. Đối với các cơ quan có các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung khi đi công tác nhưng không được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung thì thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo Thông tư 24/2019/TT-BTC ngày 22/4/2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2020 của Chính phủ. Trước mắt chưa có quy định về đơn giá khoán thì thực hiện giao kinh phí ổn định như hiện nay để các cơ quan, đơn vị thuê xe phục vụ công tác.

3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy các cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 27/4/2018 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 86-KH/TU ngày 07/5/2018 của Tỉnh ủy và Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 15/6/2018 của UBND tỉnh về ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã; thôn, bản, khu phố; cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, gắn với tinh giản biên chế.

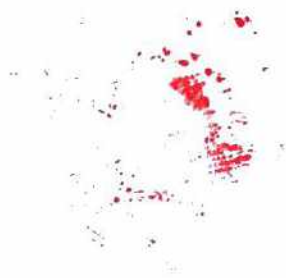
4. Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Đề án tinh giản biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2022-2025, trong đó xác định tỷ lệ cắt giảm số người làm việc hưởng lương ngân sách nhà nước của từng đơn vị tối thiểu là 10% so với số người làm việc được giao năm 2021 theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và Quyết định 1322/QĐ-UBND.

Kịp thời giải quyết chế độ chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế.

5. Hoàn thành việc phê duyệt vị trí việc làm các cơ quan hành chính theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức và phê duyệt điều chỉnh vị trí việc làm các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện việc tuyển dụng kịp thời đội ngũ công chức, viên chức còn thiếu theo đúng quy định.

6. Đẩy mạnh rà soát, cân đối, điều chỉnh hợp lý biên chế từ nơi thừa đến nơi thiếu giữa các sở, ban, ngành, huyện, thành phố, thị xã, để cơ cấu lại hợp lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, đúng định mức quy định, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, gắn với tinh giản biên chế.

7. Các huyện, thị xã, thành phố tìm giải pháp khuyến khích mở thêm các trường mầm non, phổ thông ngoài công lập, để giảm số lượng học sinh trong các



trường công lập. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi một số trường mầm non và trường trung học phổ thông công lập sang loại hình đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chuyển ra ngoài công lập để dành biên chế bổ sung cho những vùng khó khăn, nhằm thực hiện có hiệu quả việc tinh giản biên chế theo đúng quy định trong giai đoạn 2020-2025.

8. Không thực hiện việc ký hợp đồng lao động đối với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là công chức trong các cơ quan hành chính hoặc là viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm toàn bộ hoặc một phần chi thường xuyên. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục và y tế không thực hiện hợp đồng lao động trên 12 tháng đối với những người làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ ở các vị trí việc làm được xác định là viên chức hưởng lương ngân sách trong đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo chi thường xuyên hoặc một phần chi thường xuyên.

9. Thủ trưởng các cơ quan có đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công, kèm định mức kinh tế kỹ thuật, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở giao quyền tự chủ cho ĐVSNCL thuộc quyền quản lý theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của ĐVSNCL.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển ĐVSNCL thành công ty cổ phần và Quyết định số 31/2017/QĐ-TTg ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí, danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển ĐVSNCL thành công ty cổ phần.

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh, khắc phục các sai sót trong sử dụng biên chế, SNLV, trong tuyển dụng công chức, viên chức và hợp đồng lao động.

Trên đây là Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2021 và các giải pháp cơ bản để thực hiện có hiệu quả biên chế hành chính, sự nghiệp trong thời gian tới, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./. *nc*

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính (1b);
- Sở Nội vụ (2b);
- Lưu: VT, TH, NC. *ng*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hưng

10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200



PHỤ LỤC

CHI TIẾT BIÊN CHẾ, SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRONG CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số: **550** KH-UBND ngày **04** tháng **12** năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2021)

TT	Đơn vị	Tổng số	Biên chế hành chính	Số người làm việc					Hợp đồng 68			Biên chế Hội	Hợp đồng lao động	Hưởng lương từ nguồn thu
				Tổng	SNGD	SNYT	SN VH TT	SN khác	Tổng	HC	SN			
1	2	3=4+5-10+13	4	5=6+7+8-9	6	7	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15
I	SỞ, BAN, NGÀNH	5.847	934	4.702	2.125	1.965	188	424	158	76	82	53	28	1.973
1	Sở Công Thương	41	29	9				9	3	2	1			
2	Sở GD và ĐT	1.945	45	1.896	1.896				4	3	1		11	
3	Sở Giao thông VT	46	35	8				8	3	3			1	
4	Sở Kế hoạch và ĐT	43	41	0					2	2				
5	Sở Khoa học và CN	56	32	22	0	0	0	22	2	2	0	0	1	39
5.1	Cơ quan Sở	24	22	0					2	2				
5.2	Chi cục Tiêu chuẩn, ĐLCL	10	10	0					0	0			1	
5.3	Các đơn vị SN trực thuộc Sở	22		22				22	0					39
6	Sở LĐ, TB và XH	207	38	148	33			115	21	2	19			26
7	Sở Nội vụ	71	53	12	0	0	0	12	6	3	3	0	0	2
7.1	Cơ quan Sở	38	36	0					2	2				
7.2	Ban Thi đua - KT	8	8	0					0	0				
7.3	Ban Tôn giáo	10	9	0					1	1				
7.4	Trung tâm lưu trữ lịch sử	15		12				12	3		3			2
8	Sở NN & PTNT	522	250	248	34	0	0	214	24	17	7	0	14	97
8.1	Cơ quan Sở	32	30	0					2	2				
8.2	Chi cục Kiểm lâm	152	141	0					11	11			2	
8.3	Chi cục TT và BVTV	39	14	24				24	1	1				
8.4	Chi cục Chăn nuôi và TY	44	10	33				33	1	1				
8.5	Chi cục Thủy sản	29	11	17				17	1	1				
8.6	Chi cục Phát triển NT	18	18	0					0	0				
8.7	Chi cục Thủy lợi	16	14	1				1	1	1				
8.8	Chi cục QLCL NLS&TS	12	12	0					0	0				
8.9	Các đơn vị SN trực thuộc Sở	180	0	173	34			139	7		7		12	97
9	Sở Ngoại vụ	21	19	0					2	2				
10	Sở Tư pháp	44	23	18				18	3	2	1			
11	Sở Tài chính	45	43	0					2	2				
12	Sở Tài nguyên và MT	48	46	0	0	0	0	0	2	2	0	0	1	0
12.1	Cơ quan Sở	30	28						2	2			1	
12.2	Chi cục Bảo vệ môi trường	10	10						0	0				
12.3	Chi cục Biển, Hải đảo và KTTV	8	8						0	0				
12.4	Các đơn vị SN trực thuộc Sở	0												
13	Sở Thông tin và TT	26	21	3				3	2	2				9
14	Sở Văn hóa, TT và DL	180	36	126			126		18	2	16			91
15	Sở Xây dựng	29	27	0					2	2				
16	Sở Y tế	2.048	54	1.965	0	1.965	0	0	29	3	26	0	0	1.642
16.1	Cơ quan Sở	31	29	0					2	2				
16.2	Chi cục DS-KHHGD	14	13	0					1	1				

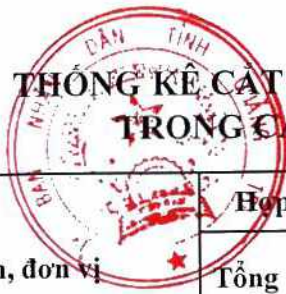
1.

2.



TT	Đơn vị	Tổng số	Biên chế hành chính	Số người làm việc					Hợp đồng 68			Biên chế Hội	Hợp đồng lao động	Hưởng lương từ nguồn thu
				Tổng	SNGD	SNYT	SN VH TT	SN khác	Tổng	HC	SN			
1	2	$3=4+5-10+13$	4	$5=6+7-8-9$	6	7	8	9	$10=11+12$	11	12	13	14	15
16.3	Chi cục An toàn VSTP	12	12	0					0	0				
16.4	Các đơn vị SN trực thuộc Sở	1.991	0	1.965		1.965			26		26			1642
17	Thanh tra tỉnh	30	28	0					2	2				
18	Văn phòng UBND tỉnh	78	41	23				23	14	12	2			3
19	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	31	25	0					6	6				
20	Ban Dân tộc	25	23	0					2	2				
21	BQL các khu KT	28	25	0					3	3				
22	Trường Cao đẳng sư phạm	123		119	119				4		4			5
23	Trường Cao đẳng Y tế	43		43	43				0					14
24	Đài PT-TH tỉnh	54		53			53		1		1			45
25	Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN	0		0					0					
26	Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông	0		0					0					
27	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	0		0					0					
28	Tạp chí Cửa Việt	10		9			9		1		1			
29	Tổng đội TNXP	0		0				0	0					
30	Hội Chữ thập đỏ	14		0					0			14		
31	Hội Người mù	3		0					0			3		
32	Hội Nhà báo	3		0					0			3		
33	Hội VHNT	7		0					0			7		
34	LH các Hội KHKT	5		0					0			5		
35	LH các TCHN	3		0					0			3		
36	LM HTX	18		0					0			18		
II	HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	12.247	817	11.372	11.162	1	145	64	41	27	14	17	28	19
1	Thành phố Đông Hà	1.287	105	1.176	1.152		18	6	4	3	1	2		13
2	Thị xã Quảng Trị	472	72	393	374		13	6	6	3	3	1		1
3	Huyện Vĩnh Linh	1.566	90	1.469	1.449		13	7	5	2	3	2	7	2
4	Huyện Gio Linh	1.449	89	1.355	1.336		13	6	3	2	1	2	5	
5	Huyện Triệu Phong	1.539	92	1.441	1.420		15	6	4	3	1	2		
6	Huyện Hải Lăng	1.470	91	1.373	1.353		14	6	4	3	1	2		1
7	Huyện Cam Lộ	931	78	848	829		13	6	3	2	1	2		1
8	Huyện Đakrông	1.345	90	1.249	1.221		22	6	4	3	1	2	9	1
9	Huyện Hướng Hoá	2.158	96	2.055	2.026		23	6	5	4	1	2	7	
10	Huyện Đảo Côn Cỏ	30	14	13	2	1	1	9	3	2	1			
III	DỰ PHÒNG	6	5	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	30
Tổng cộng (I+II+III)		18.100	1.756	16.074	13.287	1.966	333	488	199	103	96	71	56	2.022

**THỐNG KÊ CẮT GIẢM 38 CHỈ TIÊU HỢP ĐỒNG 68
TRONG CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH**



TT	Cơ quan, đơn vị	Hợp đồng 68 cắt giảm chia theo vị trí việc làm							Ghi chú
		Tổng số	Lái xe	Phục vụ	Điện nước	Bảo vệ	NV kỹ thuật	Chưa sử dụng	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số	38	19	13	4	1	1	0	
I	SỞ, BAN, NGANH	28	15	9	2	1	1	0	
1	Sở Công Thương	1			1				
2	Sở Kế hoạch và ĐT	1	1						
3	Sở Khoa học và CN	1		1					
3.1	Chi cục Tiêu chuẩn, ĐLCL	1		1					
4	Sở LĐ, TB và XH	1	1						
5	Sở Nội vụ	3	2	1					
5.1	Cơ quan Sở	1	1						
5.2	Ban Thi đua - KT	1	1						
5.3	Ban Tôn giáo	1		1					
6	Sở NN & PTNT	7	1	6					
6.1	Chi cục Kiểm lâm	4	1	3					
6.2	Chi cục Chăn nuôi và TY	1		1					
6.3	Chi cục Phát triển NT	1		1					
6.4	Chi cục QLCL NLS&TS	1		1					
7	Sở TN và MT	2	1	1					
7.1	Chi cục BV Môi trường	1		1					
7.2	Chi cục Biển HD, KTTV	1	1						
8	Sở Thông tin và TT	1					1		
9	Sở Văn hóa, TT và DL	2	2						
10	Sở Xây dựng	1	1						
11	Sở Y tế	3	3						
11.1	Cơ quan Sở	1	1						
11.2	Chi cục DS-KHHGD	1	1						
11.3	Chi cục An toàn VSTP	1	1						
12	Thanh tra tỉnh	1	1						
13	Văn phòng UBND tỉnh	2	1			1			
13.1	Cơ quan VP	2	1			1			
14	Văn phòng HĐND tỉnh	1			1				
15	BQL các khu KT	1	1						
II	HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ	10	4	4	2	0	0	0	
1	Thành phố Đông Hà	5	1	4					
2	Huyện Vĩnh Linh	1			1				
3	Huyện Triệu Phong	1			1				
4	Huyện Hải Lăng	1	1						
5	Huyện Cam Lộ	1	1						
6	Huyện Đảo Côn Cỏ	1	1						